

Số: 41/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị N, sinh năm 1998; dân tộc: Giáy; nghề nghiệp: Nông dân; số CCCD: 000000 do Cục CSQLHCVTTXH - BCA cấp ngày 12/4/2022; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Lò Văn N1, sinh năm 1997; dân tộc: Giáy; nghề nghiệp: Công nhân; số CC: 000000 do BCA cấp ngày 04/11/2024; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/11/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/11/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị N và anh Lò Văn N1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị N và anh Lò Văn N1 nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 13/2018 ngày 24/5/2018 của Ủy

ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị Vi Thị N và anh Lò Văn N1 xác nhận có 01 con chung là Lò Thị Phương H, sinh ngày 06/4/2018. Sau khi ly hôn anh N1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thị Phương H cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị N, anh N1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị N được miễn nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Lò Văn N1 phải chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân